

Bản án số: 05/2017/KDTM-PT

Ngày: 19/7/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các thẩm phán:

Bà Đặng Thị Thảo

Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiền - Thư ký TAND tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định:

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 05 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 06 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H

Địa chỉ: Số 52 đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Thành Đ - Chủ tịch HĐQT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Vũ Hồng T, Luật sư - Văn Phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T

Địa chỉ: Số 383 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T - Giám Đốc công ty.

3. Người kháng cáo:

Ông Lưu Thành Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Đ, Luật sư T, bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H trình bày:

Tháng 5/2008 Chi nhánh 1-Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H (Sau đây viết tắt là Công ty H) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (Sau đây viết tắt là Công ty T) ký kết hợp đồng bằng lời nói mua bán hàng hóa là thép tấm, thép xây dựng, hai bên cam kết giao hàng đến đâu, thanh toán đến đó, theo số lượng hàng hóa thực tế, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất 1,5%/tháng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty H giao cho Công ty T hàng hóa với tổng giá trị là 528.932.063đ. Công ty T đã thanh toán là 439.118.940đ. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/11/2015 tính đến ngày 31/10/2015 Công ty T còn nợ tiền gốc 89.813.123đ và lãi suất do chậm thanh toán là 123.962.057đ, tổng là 213.775.180đ.

Tại buổi làm việc ngày 19/11/2015 Công ty T và Công ty H cam kết Công ty T trả cho Công ty H 100.000.000đ trước ngày 25/10/2015 âm lịch và trả 50% tiền lãi suất phát sinh do chậm thanh toán là 56.887.000đ trong thời hạn từ tháng 2/2016 đến tháng 7/2016. Nếu thực hiện cả 2 nội dung trên Công ty H sẽ miễn một nửa số tiền lãi còn lại.

Ngày 30/11/2015 Công ty T trả cho Công ty H 100.000.000đ trong đó tiền gốc là 89.813.123đ, tiền lãi là 10.186.877đ. Sau đó, Công ty T không thực hiện đúng cam kết, nên Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền hàng là 113.744.000đ và phải trả lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền là 113.744.000đ kể từ ngày 01/8/2016 đến nay với mức lãi suất là 1,5%/tháng.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là Công ty T trình bày:

Giữa Công ty T và Công ty H ký hợp đồng mua bán hàng hóa bằng lời nói là tôn đóng tàu từ nhiều năm trước, các lô hàng đã được thanh toán đầy đủ. Đến lô hàng cuối cùng vào năm 2008 thì Công ty T còn nợ tiền gốc 99.813.123 đồng. Ngày 26/8/2015 trả gốc 10.000.000đ còn lại tiền gốc là 89.813.123đ.

Ngày 19/11/2015 hai Công ty có thỏa thuận giảm 50% tổng số tiền lãi và thời hạn trả nợ như nội dung trình bày của nguyên đơn. Ngày 30/11/2015 Công ty T trả 100.000.000đ trong đó tiền gốc là 89.813.123đ và một phần tiền lãi. Sau đó, do Công ty T gặp khó khăn, phải huy động nguồn tiền để trả nốt khoản tiền còn lại thì ông Lưu Thành Đ gọi điện nói những lời lẽ xúc phạm. Vì vậy, bà yêu

cầu ông Đ xin lỗi, rút đơn khởi kiện thì bà sẽ thanh toán nốt số tiền 56.000.000đ theo thỏa thuận tại biên bản làm việc ngày 19/11/2015. Nhưng sau đó, bà T thay đổi quan điểm sẽ trả cho Công ty H số tiền 56.887.000đ, nhưng mỗi tháng chỉ trả 2.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền trên.

Tại bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã tuyên: Áp dụng Điều 389, khoản 1 Điều 401, Điều 402, khoản 1, 2 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 306 Luật thương mại năm 2005. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H số tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng theo biên bản thỏa thuận là 113.744.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H được nhận số tiền do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T trả là 113.744.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, lãi suất do chậm thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự.

Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2017/QĐ-BSBA ngày 20/4/2017 đối với bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định như sau: Tiếp sau dòng thứ hai trang thứ 5 từ trên xuống của bản án sơ thẩm. Nay được bổ sung: “Chấp nhận rút một phần yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H về đòi tiền lãi 1,5%/tháng tính từ tháng 8/2015 đến nay”.

Ngày 10/4/2017 Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định với nội dung:

Buộc Công ty TNHH MTV T phải trả số tiền nợ là 113.744.000đ và số tiền lãi do chậm trả số tiền 113.744.000đ với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 01/11/2015 đến khi trả hết nợ (được quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015), theo đúng cam kết mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T ký ngày 19/11/2015. Với lý do, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như các ý kiến bổ sung nhưng án sơ thẩm lại cho rằng nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu thanh toán lãi suất phát sinh do chậm thanh toán 113.744.000đ là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, có thay đổi về thời gian tính lãi suất từ ngày 01/11/2015 để ngày xét xử phúc thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn , buộc Công ty T phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền 113.744.000đ kể từ ngày 01/11/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Công ty T trình bày: Ngày 19/11/2015 Công ty T và Công ty H chốt nợ xác nhận Công ty T còn nợ là 213.775.000đ. Ngày 30/11/2015 Công ty T trả cho Công ty H 100.000.000đ bao gồm trả hết nợ gốc và một phần nợ lãi. Số tiền 113.744.000đ Công ty T còn nợ là khoản tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng, Công ty T nhất trí trả cho Công ty H nhưng hiện tại Công ty đang gặp khó khăn chỉ trả cho nguyên đơn 2.000.000đ/tháng. Đối với khoản tiền lãi của số tiền 113.744.000đ Công ty không trả vì lãi chồng lãi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty H đã rút yêu cầu buộc Công ty T phải trả lãi của số tiền 113.744.000đ với mức lãi suất 1,5%/tháng. Nay Công ty H kháng cáo cho rằng không rút yêu cầu này Công ty T không chấp nhận.

Kiểm sát viên-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm thời hạn xét xử quá 15 ngày quy định tại Điều 203 BLTTDS, vi phạm về việc sửa chữa bổ sung bản án , vi phạm về việc chậm giao bản án cho đương sự quy định tại khoản 2 Điều 269 BLTTDS nên kiến nghị, rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm. Về đường lối giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu trả lãi suất do chậm thanh toán số tiền 113.744.000đ với mức lãi suất 1,5%/ tháng, việc rút yêu cầu này được thể hiện tại biên bản phiên tòa và biên bản nghị án . Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn , giữ nguyên án sơ thẩm . Về án phí giải quyết theo pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H thấy rằng:

[1] Tháng 5/2008 Chi nhánh 1- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H (Công ty H) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (Công ty T) ký kết hợp đồng bằng lời nói mua bán thép tấm , thép xây dựng , quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã bán ch o Công ty T giá trị hàng hóa là 528.932.063đ (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Công ty T đã thanh toán là 439.118.940đ. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/11/2015 tính đến ngày 31/10/2015 Công ty T còn nợ gốc 89.813.123đ và nợ tiền lãi suất chậm trả là 123.962.057đ. Tổng là 213.775.180đ.

Ngày 30/11/2015 Công ty T thanh toán cho Công ty H 100.000.000đ. Theo đơn khởi kiện bút lục số 2, trong 100.000.000đ này Công ty T đã trả tiền nợ gốc

là 89.813.123đ, trả nợ lãi suất do chậm thanh toán tiền hàng là 10.186.877đ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm Công ty T trình bày trong 100.000.000đ trả cho Công ty H vào ngày 30/11/2015 Công ty T đã trả hết nợ gốc và trả một phần nợ lãi. Như vậy, tính đến ngày 30/11/2015 thì Công ty T đã thanh toán xong khoản tiền hàng đối với Công ty H (tiền gốc). Công ty T còn nợ Công ty H là 113.744.000đ đây là số tiền lãi do chậm thanh toán tiền gốc. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty T xác nhận còn nợ 113.744.000đ.

Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định ngày 30/3/2017 phản ánh tại phiên tòa sơ thẩm Công ty H đã tự nguyện rút yêu cầu buộc Công ty T trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 113.744.000đ với mức lãi suất 1,5%/tháng, việc rút yêu cầu này cũng được thể hiện tại biên bản nghị án của Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Mặt khác, ngày 30/11/2015 Công ty T đã thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, chỉ còn nợ tiền lãi do chậm thanh toán tiền gốc là 113.744.000đ. Theo quy định tại Điều 316 Luật thương mại năm 2005 tiền lãi do chậm thanh toán chỉ được tính trên nợ gốc. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với khoản tiền lãi mức lãi suất 1,5%/tháng không được chấp nhận.

Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên phát sinh từ tháng 5/2008 trước khi Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 có hiệu lực pháp luật, đối chiếu quy định về nghĩa vụ thanh toán lãi suất do chậm thực nghĩa vụ giữa BLDS năm 2015 và BLDS năm 2005 có sự khác nhau. Do vậy, căn cứ điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 688 BLDS năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện nhưng tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2017/QĐ-BSBA ngày 20/4/2017 cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ xét xử việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà tuyên chấp nhận rút một phần yêu cầu của nguyên đơn về đòi tiền lãi 1,5%/tháng là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015. Do vậy, HĐXX sửa lại cho phù hợp với quy định của pháp luật và rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm. Đồng thời rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm về việc giao bản án cho đương sự và thời hạn chuẩn bị xét xử như ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty H không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn lại cho Công ty H số tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Điều 4, khoản 2 Điều 305 BLDS năm 2005. Căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H. Sửa bản án sơ thẩm về quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 02/2017/QĐ-BSBA ngày 20/4/2017 đối với bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền 113.744.000đ với mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 01/11/2015 đến khi xét xử phúc thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H;

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H số tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng là 113.744.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H được nhận số tiền do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T trả là 113.744.000 đồng (Một trăm mười ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H không phải nộp hoàn lại cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai số 03486 ngày 11/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T phải nộp 5.687.200 đồng.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí H 2.800.000đ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 03157 ngày 12/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP Nam Định;
- VKSNDTP Nam Định;
- Chi cục THADSTP Nam Định;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Thu